

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 05 – 01 – 2022

V/v: “Tranh chấp thừa kế T sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vĩnh Thế;

Ông Quách Văn Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Mỹ Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn A, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ 14, trước là ấp Đ L (nay là ấp B M), xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 4, ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Ngọc Th, sinh năm 1970, cư trú tại: Ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Đặng Ngọc Thx, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1976; cùng cư trú tại: Tổ 7, ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; bà Thx có mặt, ông Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Đặng Ngọc L, sinh năm 1974; cư trú tại: Số nhà 13, tổ 25, ấp BM, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.4. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1963, cư trú tại: Tổ 15, ấp BM, xã TĐ,

huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.5. Anh Đặng Thế HX, sinh năm 1992; cư trú tại: Số 10, Tổ 5, ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.6. Anh Đặng Văn R, sinh năm 2000; cư trú tại: Số 10, tổ 5, ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.7. Bà Hồ Thị Kim S, sinh năm 1970; cư trú tại: 841, đường Hongbuk, huyện Hong buk, quận Hongseong, tỉnh Chungcheongnam, Hàn Quốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.8. Chị Đặng Thị Nhung H, sinh năm 1990; cùng địa chỉ cư trú với bà Hồ Thị Kim Sang; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.9. Chị Đặng Thị Cẩm T, sinh năm 1988; cư trú tại: 901, Phường 25107, đường số 244, lộ Suseong, quận Paldal, thành phố Suwon, tỉnh Gyeonggi (Phường Hwaseo, chung cư Hwaseo Weve Haneulchsc), Hàn Quốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-12-2019, và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - ông Đặng Văn A trình bày:

Cha ông tên là Đặng Văn U (chết năm 2010) mẹ là bà Vương Thị D, (chết năm 2018), cha mẹ có 07 người con gồm: Đặng Văn A, Đặng Văn H, Đặng Thị D, Đặng Văn T, Đặng Ngọc L, Đặng Ngọc Th, Đặng Ngọc Thx. Trong đó, ông Đặng Văn T (đã chết năm 2001); ông T có vợ là bà Hồ Thị Kim S và 04 người con gồm: Đặng Thế HX, Đặng Thị Cẩm T, Đặng Văn R và Đặng Thị Nhung H. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác. Khi còn sống cha mẹ ông có khai phá được 02 phần đất cụ thể:

- Diện tích 222,4 m² (diện tích đo đạc thực tế 235,9 m²) thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; hiện bà D quản lý ½ diện tích xây nhà ở, còn lại ½ diện tích có nhà thờ cha mẹ do anh em ông quản lý chung.

- Diện tích 4.496,6 m² (diện tích đo đạc thực tế 4.478,3 m²) thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Hiện vợ chồng bà Thx, ông Ng đang quản lý sử dụng cất nhà ở và trồng cao su hết đất. Các diện tích đất trên do cha mẹ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSD đất) hiện bà D đang giữ giấy. Trước khi chết cha mẹ ông chưa phân chia cho ai, cha mẹ không để lại di chúc. Ông yêu cầu chia đều hai phần đất trên cho tất cả anh em của ông.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18-11-2021, ông yêu cầu bà D, bà Thx phải chia thừa kế tài sản cha mẹ cụ thể:

- Đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 31, diện tích 235,9 m², giao cho bà D ½ diện tích có nhà của bà D, vì phần này cha mẹ lúc còn sống đã cho bà D rồi, còn lại ½ diện tích đất có nhà của cha mẹ dùng làm nhà thờ cha mẹ.

- Phần diện tích 4.478,3 m² thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39, do bà Thx quản lý yêu cầu chia đều.

Bị đơn – bà Đặng Thị D trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Đặng Văn A về họ tên cha mẹ và các anh chị em trong gia đình và tài sản của cha mẹ để lại là đúng.

Trên phần đất diện tích đo đạc thực tế 235,9 m² thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, có 02 căn nhà, một căn nhà do cha mẹ bà xây dựng, còn 01 căn nhà chiều ngang khoảng 05 m, dài 07 m do bà xây dựng. Cụ thể: Năm 1986, bà ly hôn chồng về ở cùng cha mẹ, lúc đó cha mẹ bà đã cho bà phần đất này để xây dựng nhà ở đến nay, việc tặng cho quyền sử dụng đất chỉ nói miệng nhưng tất cả anh chị em trong gia đình đều biết. Bà chỉ yêu cầu chia phần đất có nhà cha mẹ, phần đất cha mẹ cho bà thì bà không đồng ý chia.

Đối với phần đất diện tích đất 4.478,3 m² trước đây bà Thx sống cùng cha mẹ, khi còn sống cha mẹ có nói là cho bà Thx ở trên đất này canh tác sinh sống, không được chuyển nhượng, việc này anh em trong gia đình đều biết. Bà không đồng ý chia đất này vì bà Thx là người nuôi cha mẹ, khi cha mẹ bệnh già bà Thx là người chăm sóc, trong các anh em thì bà Thx là người có hoàn cảnh khó khăn nhất. Nếu như phải chia phần đất này thì bà cho bà Thx phần bà được hưởng. GCNQSD đất (bản chính) hiện nay bà đang giữ, không cầm cố, thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Đặng Ngọc Thx trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông Đặng Văn A về họ tên cha mẹ và anh chị em trong gia đình và nguồn gốc tài sản tranh chấp. Đồng ý chia di sản thừa kế đối với ½ diện tích 235,9 m², ½ diện tích còn lại hiện bà D đang cất nhà ở cha mẹ đã cho bà D rồi, việc cho không có giấy tờ. Đối với phần đất 4.478,3 m² bà không đồng ý chia, vì đất này năm 2008 cha mẹ cho bà, việc tặng cho không có giấy tờ, trên đất bà có xây dựng căn nhà tạm ở từ năm 2008 và trồng cao su, trà vàng hết đất. Hiện trạng đất lúc đó cha bà đào ao nuôi cá. Quá trình sử dụng đất vợ chồng bà đã bỏ công san lấp ao, cải tạo đất bằng phẳng mới canh tác được. Ngoài đất này hiện bà đang canh tác để sinh sống ra gia đình bà không còn đất đai ở đâu khác.

- *Ông Nguyễn Văn Ng trình bày:* Ông là chồng bà Đặng Ngọc Thx, ông thống nhất ý kiến bà Thx và có cùng nguyện vọng.

- *Ông Đặng Văn H trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông Đặng Văn A về họ tên cha mẹ và các anh chị em trong gia đình và nguồn gốc tài sản tranh chấp. Trừ phần đất bà D cất nhà ở là do cha mẹ cho bà D ra thì yêu cầu bà D, bà Thx chia di sản thừa kế như ý kiến của ông Anh.

- *Bà Đặng Ngọc L trình bày:* Thống nhất ý kiến của ông H và có cùng nguyện vọng.

- *Bà Đặng Ngọc Th trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông Đặng

Văn A về quan hệ huyết thống, tài sản do cha mẹ để lại. Đối với phần đất thổ cư, trừ phần đất bà D cất nhà ở là do cha mẹ cho bà D, diện tích còn lại cứ để nguyên hiện trạng, bà không đồng ý chia. Nếu phải chia thì phần bà được hưởng bà đồng ý nhận.

- *Anh Đặng Thế HX trình bày:* Cụ ông Đặng Văn U, cụ bà Vương Thị D là ông bà nội của anh, cha anh tên là Đặng Văn T (chết năm 2001), mẹ anh là Hồ Thị Kim S. Cha mẹ anh có 04 người con gồm: Đặng Thị Cẩm T, Đặng Thế HX, Đặng Thị Nhung H, Đặng Văn R. Hiện tại mẹ và hai chị gái của anh là T, H đang sinh sống tại Hàn Quốc. Anh thống nhất với lời trình bày của ông Đặng Văn A về quan hệ huyết thống, tài sản của ông bà nội anh để lại. Thống nhất ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông A.

- *Anh Đặng Văn R trình bày:* Thống nhất ý kiến anh HX và có cùng nguyện vọng.

- *Bà Hồ Thị Kim S, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Đặng Thị Nhung H trình bày:* Thống nhất ý kiến anh HX.

Tại phiên tòa, tất cả các đương sự trình bày thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định, định giá tài sản do Hội đồng định giá huyện Gò Dầu thực hiện.

- Ông A trình bày: Do có bất đồng trong anh em, ông có thay đổi yêu cầu tại Biên bản hòa giải ngày 18-11-2021. Nay yêu cầu thừa kế tài sản như sau:

+ Đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 31, diện tích 235,9 m², giao cho bà D khoảng ½ diện tích có nhà của bà D, vì phần này cha mẹ lúc còn sống đã cho bà D. Còn lại ½ diện tích đất có nhà của cha mẹ, yêu cầu chia đều cho tất cả anh em ông.

+ Phần đất diện tích 4.478,3 m² thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh hiện do bà Thx quản lý yêu cầu chia đều. Ngoài ra, không yêu cầu chia tài sản nào khác.

- Ông H, anh HX, bà L trình bày: Thống nhất ý kiến của ông A và có cùng yêu cầu.

- Bà D trình bày: Thống nhất ý kiến của ông A về công nhận phần đất cha mẹ cho bà trong thửa số 04, tờ bản đồ số 31. Phần đất còn lại của thửa này bà đồng ý để anh em bà chia nhau, bà không yêu cầu chia thêm phần đất này. Đối với phần đất diện tích 4.478,3 m² thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39 nếu phải chia thì phần bà được hưởng bà cho lại bà Thx.

- Bà Thx trình bày: Thống nhất ý kiến của ông A về công nhận phần đất cha mẹ cho bà D trong thửa số 04, tờ bản đồ số 31. Bà không đồng ý chia phần đất diện tích 4.478,3 m² thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 39 vì đất này cha mẹ đã cho bà.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội

dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+ Chia thừa kế là $\frac{1}{2}$ khối di sản diện tích 235,9 m² chia đều 07 phần, anh HX được hưởng các phần do bà S, chị H, chị T nhường lại.

+ Chia thừa kế là $\frac{1}{2}$ giá trị di sản phần đất diện tích 4.478,3 m² bà Thx sử dụng toàn bộ phần đất, thanh toán bằng giá trị cho 06 phần thừa kế. Anh HX được hưởng các phần do bà S, chị H, chị T nhường lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Ông Đặng Văn A khởi kiện bà Đặng Thị D yêu cầu chia di sản thừa kế, Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Vụ án này do Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu thụ lý ngày 10 tháng 12 năm 2019, chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh ngày 07 tháng 02 năm 2020 do có đương sự là người nước ngoài. Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Ngọc Th, anh Đặng Văn R, bà Hồ Thị Kim S, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Đặng Thị Nhung H, ông Nguyễn Văn Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nhận thấy, phần đất các đương sự tranh chấp gồm:

- Phần 1. Diện tích 222,4 m² (đo đạc thực tế diện tích 235,9 m²) thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; loại đất ở nông thôn, hiện đất này bà D đang quản lý một phần diện tích 99,5 m² (ngang 5,40 m x dài 18,43 m); trong đó xây nhà ở ngang 05 m x 07 m. Còn lại diện tích 136,4 m² trên đất có nhà của cụ U, cụ D (nhà thờ) diện tích 34,902 m² và mái che sau nhà thờ diện tích 15,54 m² hiện bà D đang quản lý. Đất này cụ U, cụ D đứng tên GCNQSD đất.

- Phần 2. Diện tích 4.496,6 m² (đo đạc thực tế diện tích 4.478,3 m²) gồm các thửa 549, 550, 551, 597, 598 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ,

huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Đất này cụ U đứng tên GCNQSD đất thửa 549, 598. Tại Sổ mục kê (bút lục số 185) do Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Gò Dầu cung cấp thì đất ông U diện tích 4.496,6 m² được ghi vào sổ thửa số 04, tờ bản đồ số 39, không có tranh chấp, loại đất nông nghiệp, hiện vợ chồng bà Thx đang quản lý, cất nhà ở và trồng cao su, tràm vàng hết đất.

- Các đương sự đều thống nhất kết quả thẩm định, định giá tài sản.

[3]. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng.

[3.1]. Tại phiên tòa, các đương sự ông Đặng Văn A, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị D, bà Đặng Ngọc L, bà Đặng Ngọc Thx, anh Đặng Thế HX thống nhất trong diện tích 235,9 m² thửa số 04, tờ bản đồ số 31 bà D đã xây dựng nhà ở chiếm diện tích 99,5 m² (ngang 5,4 m dài 18,43 m), lúc còn sống cha mẹ đã cho bà D trọn quyền sử dụng. Nay các đương sự đồng ý để bà D được tiếp tục sử dụng, không tranh chấp đất này với bà D, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Diện tích 136,4 m² còn lại trong thửa số 04, tờ bản đồ số 31 yêu cầu chia theo pháp luật.

[3.2]. Bà Thx cho rằng cha mẹ đã cho bà diện tích 4.478,3 m² thửa số 04, tờ bản đồ số 39 nhưng không đề xuất được chứng cứ tặng cho nên không có cơ sở xem xét.

[3.3]. Cụ U, cụ D chết không để di chúc. Do đó diện tích 136,4 m² trong một phần thửa số 04, tờ bản đồ số 31, trị giá 341.433.616 đồng (2.503.179 đồng/m² x 136,4 m²), trên đất có nhà cấp 4c của cụ U, cụ D diện tích 34,902 m² (ngang 4,2 m x dài 8,31 m) trị giá 81.622.000 đồng và 01 mái che phía sau căn nhà diện tích 15,54 m² (ngang 4,2 m x dài 3,7 m) trị giá 233.000 đồng và diện tích 4.478,3 m² thửa số 04, tờ bản đồ số 39 trị giá 492.613.000 đồng là di sản do cụ U, cụ D để lại được giải quyết chia theo pháp luật theo quy định tại Điều 649 của Bộ luật Dân sự. Các con cụ U, cụ D gồm: Ông Đặng Văn A, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị D, bà Đặng Ngọc L, bà Đặng Ngọc Th, bà Đặng Ngọc Thx, ông Đặng Văn T (chết năm 2001) có vợ là bà tên Hồ Thị Kim S và 04 người con là Đặng Thế HX, Đặng Thị Cẩm T, Đặng Văn R và Đặng Thị Nhung H là những người thừa kế theo quy định tại Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

[3.4]. Xét hiện trạng di sản Hội đồng xét xử giải quyết phân chia như sau:

- Đối với phần đất diện tích 136,4 m² thửa số 04, tờ bản đồ số 31, căn nhà và mái che trên đất, tổng cộng trị giá thành tiền là 423.288.616 đồng, giải quyết chia đều làm 07 kỷ phần bằng nhau cho các con cụ U, cụ D mỗi người một kỷ phần, tại phiên tòa bà D từ chối nhận di sản nên phần hưởng của bà D được nhập vào di sản này và chia làm 06 kỷ phần, trị giá thành tiền 70.548.102 đồng/phần (viết tròn số là 70.548.000) đồng. Tuy nhiên, do diện tích đất nhỏ không thể phân chia bằng hiện vật. Do đó, giao cho ông Đặng Văn A trọn quyền sử dụng phần đất này và sở hữu căn nhà và mái che trên đất. Ông A có nghĩa vụ thanh toán cho ông H, bà L, bà Thx, bà Th mỗi người số tiền 70.548.000 đồng, thanh

toán cho vợ và các con ông Đặng Văn T (hưởng chung) số tiền 70.548.000 đồng.

- Đối với phần đất diện tích 4.478,3 m² thửa số 04, tờ bản đồ số 39, trị giá thành tiền là 492.613.000 đồng, giải quyết chia làm 08 kỷ phần bằng nhau, trị giá thành tiền là 61.576.625 đồng/phần (viết tròn số là 61.576.000 đồng). Trong đó, chia bà Thx được hưởng 02 phần do có công gìn giữ, cải tạo đất, nuôi dưỡng cha mẹ, những người còn lại được hưởng 01 phần. Do di sản này là đất nông nghiệp, không có tiếp giáp đường giao thông (đi trên bờ kênh), diện tích phân chia dưới 1.000 m² không được tách thửa theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 27-7-2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Do đó, giao bà Thx tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích đất này. Bà Thx có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị kỷ phần cho ông A, ông H, bà D, bà L, bà Th mỗi người số tiền 61.576.000 đồng, thanh toán cho vợ và các con ông Đặng Văn T (hưởng chung) số tiền 61.576.000 đồng. Bà D đồng ý cho bà Thx phần bà được chia (trong diện tích 4.478,3 m² thửa số 04, tờ bản đồ số 39), nên ghi nhận.

[5] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên toà.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; đối với tiền án phí có giá ngạch cụ thể:

- Ông A, ông H, bà L, bà Th, mỗi người được hưởng di sản trị giá 132.124.000 đồng nên mỗi người phải chịu án phí là 6.606.200 đồng = (132.124.000 đồng x 5%); vợ và các con ông Đặng Văn T (hưởng chung) một phần phải chịu án phí là 6.606.200 đồng.

- Bà Thx được hưởng di sản và phần bà D cho trị giá 255.276.000 đồng phải chịu án phí là 12.763.800 đồng = (255.279.000 đồng x 5%).

- Bà D không phải chịu án phí.

[7]. Về chi phí tố tụng khác, các đương sự ông A, ông H, bà L, bà Th, bà Thx, anh HX đều phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 153, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự các khoản chi phí gồm:

- Tiền thẩm định, đo đạc đất: 4.925.000 đồng;

- Định giá T sản: 2.200.000 đồng;

- Dịch thuật: 9.000.000 đồng;

- Ủy thác tư pháp: 1.200.000 đồng;

- Gửi thư ra nước ngoài: 1.800.000 đồng.

Tổng cộng: 19.125.000 đồng.

Do ông A đã đóng tạm ứng do đó ông H, bà L, bà Th, anh HX mỗi người phải hoàn trả cho ông A số tiền 3.000.000 đồng. Bà Thx được chia di sản nhiều hơn nên phải hoàn trả cho ông A số tiền 4.125.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 153, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp thừa kế tài sản của ông Đặng Văn A và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đối với bà Đặng Thị D, Đặng Ngọc Thx;

1.1. Chia cho ông Đặng Văn A trọn quyền sử dụng diện tích đất 136,4 m² trong thửa số 04, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu và được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4c của cụ U, cụ D diện tích 34,902 m² (ngang 4,2 m x dài 8,31 m) và mái che phía sau căn nhà diện tích 15,54 m² (ngang 4,2 m x dài 3,7 m). Tổng tài sản được chia trị giá thành tiền là 423.288.616 đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00011 cấp ngày 29-01-2010 do ông Đặng Văn U, bà Vương Thị D đứng tên. Đất có tứ cận:

Đông giáp nương nước 3,56 m + 3,6 m;

Tây giáp đường nhựa Trà Võ – đất sét 2,32 m + 4,1 m;

Nam giáp đường đất 17,39 m;

Bắc giáp đất bà D 18,43 m.

Đất này do bà Đặng Thị D đang quản lý nên buộc bà Đặng Thị D có nghĩa vụ giao lại cho ông Đặng Văn A.

1.2. Buộc ông Đặng Văn A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Văn H, bà Đặng Ngọc L, bà Đặng Ngọc Thx, bà Đặng Ngọc Th mỗi người số tiền số tiền 70.548.000 đồng (bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, thanh toán cho bà Hồ Thị Kim S, anh Đặng Thế HX, anh Đặng Văn R, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Đặng Thị Nhung H (vợ và các con ông T hưởng chung) số tiền 70.548.000 đồng (bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

1.3. Chia cho bà Đặng Ngọc Thx được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 4.478,3 m² thửa số 04, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, trị giá 492.613.000 đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014 cấp ngày 23-7-1996 do ông Đặng Văn U đứng tên. Đất có tứ cận:

Đông giáp đất ông Thạch 66,24 m;

Tây giáp đất ông Không 52,71 m;

Nam giáp ông Không 15,48 m+ 66,23 m;

Bắc giáp Kênh N-4 dài 72,74 m.

1.4. Buộc Đặng Ngọc Thx có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Văn A, ông Đặng Văn H, bà Đặng Ngọc L, bà Đặng Ngọc Th mỗi người số tiền 61.576.000 (sáu mươi một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng, thanh toán

cho bà Hồ Thị Kim S, anh Đặng Thế HX, anh Đặng Văn R, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Đặng Thị Nhung H (vợ và các con ông T hưởng chung) số tiền 61.576.000 (sáu mươi một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Ghi nhận các đương sự ông Đặng Văn A, ông Đặng Văn H, bà Đặng Ngọc L, bà Đặng Ngọc Thx, bà Đặng Ngọc Th, anh Đặng Thế HX không tranh chấp với bà Đặng Thị D diện tích đất 99,5 m² (ngang 5,4 m dài 18,43 m) hiện có nhà bà D đang ở, trong thửa số 04, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp Đ L, xã TĐ, huyện Gò Dầu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00011 cấp ngày 29-01-2010 do ông Đặng Văn U, bà Vương Thị D đứng tên. Đất tứ cận:

Đông giáp nương nước 5,4 m;

Tây giáp đường nhựa Trà Võ – Đất sét 5,4 m;

Bắc giáp đất ông Tâm (thửa 05) 18,43 m;

Nam giáp đất giao ông Anh 18,43 m.

3. Các đương sự căn cứ vào quyết định của bản án này liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn A, ông Đặng Văn H, bà Đặng Ngọc L, bà Đặng Ngọc Th mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.606.200 đồng viết tròn số 6.606.000 (sáu triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn) đồng. Bà Hồ Thị Kim S, anh Đặng Thế HX, anh Đặng Văn R, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Đặng Thị Nhung H (vợ và các con ông T) phải chịu chung án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.606.000 (sáu triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn) đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng ông A đã nộp 2.750.000 đồng theo Biên lai số 0009860 ngày 10-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, ông A còn phải nộp 3.856.000 (ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

- Bà Đặng Ngọc Thx phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.763.800 viết tròn số 12.764.000 (mười hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

- Bà Đặng Thị D không phải chịu án phí.

5. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Đặng Văn H, bà Đặng Ngọc L, bà Đặng Ngọc Th mỗi người phải hoàn trả cho ông Đặng Văn A số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng. Bà Hồ Thị Kim S, anh Đặng Thế HX, anh Đặng Văn R, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Đặng Thị Nhung H (vợ và các con ông T) phải hoàn trả cho ông Đặng Văn A 3.000.000 (ba triệu) đồng. Bà Đặng Ngọc Thx phải hoàn trả cho ông Đặng Văn A số tiền 4.125.000 (bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

6. Báo cho đương sự có mặt tại phiên toà biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Hồ Thị Kim S, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Đặng Thị Nhung H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ, theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Cấp cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm